

DANH SÁCH
CÔNG KHAI CÁC TRƯỜNG HỢP ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG, TRUY TẶNG “HUY CHƯƠNG THANH NIÊN XUNG PHONG VẺ VANG”
(Kèm theo Thông báo số/TB-UBND ngày/10/2026 của UBND phường Dương Kinh)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán (địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)	Nơi ở hiện nay (địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày, tháng hoàn thành nhiệm vụ	Đơn vị TNXP	Tổng số thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Ghi chú
I. ĐỀ NGHỊ TRUY TẶNG HUY CHƯƠNG THANH NIÊN XUNG PHONG VẺ VANG									
1	TNXP từ trần: Ông Trần Văn Giang	10/4/1952	Xã Thụy Hương, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng)	Phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	3/1982	E371	3 năm 01 tháng (37 tháng)	
2	TNXP từ trần: Ông Vũ Mạnh Đức	21/5/1951	Xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hưng, thành phố Hải Phòng)	Phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	5/1982	E371	3 năm 3 tháng (39 tháng)	
3	TNXP từ trần: Ông Cao Hữu Cơ	01/4/1961	Xã Đại Hà, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hưng, thành phố Hải Phòng)	Phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	3/1982	E371	3 năm 01 tháng (37 tháng)	
4	TNXP từ trần: Bà Bùi Thị Bính	01/01/1946	Xã Đại Hà, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hưng, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Hợp, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	10/1967	6/1971	N77-P20	03 năm 08 tháng (44 tháng)	
II. ĐỀ NGHỊ TẶNG HUY CHƯƠNG THANH NIÊN XUNG PHONG VẺ VANG									
* Thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ ở miền Bắc (từ ngày 21/7/1954 đến ngày 30/4/1975)									
1	Bà Lê Thị Ban	22/10/1954	Xã Hưng Đạo, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Lập, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 5/1972	6/1975	C752- Đội TNXP75- Ban Xây dựng 67	03 năm 01 tháng (37 tháng)	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán (địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)	Nơi ở hiện nay (địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày, tháng hoàn thành nhiệm vụ	Đơn vị TNXP	Tổng số thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Ghi chú
2	Bà Vũ Thị Thía	10/3/1945	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tĩnh Hải, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	6/1965	12/1968	N77 P20	2 năm 6 tháng (30 tháng)	
3	Bà Vũ Thị Bánh	20/6/1950	Xã Đồng Hòa, huyện Kiến An, thành phố Hải Phòng (nay là phường Kiến An, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố An Thắng, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	6/1965	12/1969	N77 P20	4 năm 6 tháng (54 tháng)	
4	Bà Nguyễn Thị Hưng	03/7/1947	Xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (nay là xã Diệp Nông, tỉnh Hưng Yên)	Tổ dân phố Hòa Nghĩa, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1965	5/1969	N77 P20	4 năm 3 tháng (51 tháng)	
5	Ông Phạm Văn Đức	21/4/1948	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hòa Nghĩa, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	7/1967	12/1970	N77 P20	3 năm 5 tháng (41 tháng)	
6	Bà Đỗ Thị Hòa	26/01/1947	Xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (nay là xã Vĩnh Am, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Trường Sơn, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	7/1967	8/1969	N77P20	02 năm 01 tháng (25 tháng)	
7	Bà Đồng Thị Yên	05/02/1948	Xã Thái Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng (nay là xã An Lão, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Phong, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 6/1965	12/1969	C15N77P20	4 năm 6 tháng (54 tháng)	
8	Bà Đinh Thị Hiền	12/7/1947	Xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (nay là phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tĩnh Hòa, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	7/1967	12/1969	N77 P20	02 năm 05 tháng (29 tháng)	
9	Bà Trần Thị Máy	12/12/1942	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Đại Thắng, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 7/1965	12/1969	N41-412	4 năm 5 tháng (53 tháng)	
* Thời kỳ chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế (chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc từ tháng 02/1979 đến ngày 31/12/1988)									
10	Ông Đỗ Văn Túy	20/5/1958	Xã Hợp Đức, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Nam Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Hợp, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	9/1982	E371	3 năm 7 tháng (43 tháng)	
11	Ông Lưu Đình Ấp	02/11/1959	Xã Đại Hà, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hưng, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Hợp, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	3/1981	E371	3 năm 01 tháng (37 tháng)	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán (địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)	Nơi ở hiện nay (địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày, tháng hoàn thành nhiệm vụ	Đơn vị TNXP	Tổng số thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Ghi chú
12	Bà Bùi Thị Thiêm	13/7/1957	Xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Tiến, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	3/1981	E371	2 năm 01 tháng (25 tháng)	
13	Bà Phạm Thị Phiên	04/9/1960	Xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Hợp, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	3/1981	E371	2 năm 01 tháng (25 tháng)	
14	Bà Vũ Thị Xa	01/01/1959	Xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hưng, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Tiến, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	3/1982	E371	3 năm 01 tháng (37 tháng)	
15	Ông Đoàn Văn Thuần	02/01/1958	Xã Hợp Đức, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Nam Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Hợp, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	3/1981	E371	2 năm 01 tháng (25 tháng)	
16	Bà Đinh Thị Lạc	15/4/1957	Xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Tiến, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	3/1981	E371	2 năm 01 tháng (25 tháng)	
17	Bà Hoàng Thị Tầm	20/8/1955	Xã Hợp Đức, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Nam Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Tiến, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	02/1982	E371	3 năm (36 tháng)	
18	Bà Đặng Thị Hải	10/10/1957	Xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Lập, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	11/1983	E371	2 năm 9 tháng (33 tháng)	
19	Bà Đặng Thị Hiện	10/7/1960	Xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hưng, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Hợp, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	3/1982	E371	3 năm 01 tháng (37 tháng)	
20	Ông Đoàn Văn Kiên	01/4/1960	Xã Thanh Sơn, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Hợp, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	3/1981	E371	2 năm 01 tháng (25 tháng)	
21	Bà Đỗ Thị Nhíu	02/5/1960	Xã Đại Hà, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hưng, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Hợp, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	4/1981	E371	2 năm 02 tháng (26 tháng)	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán (địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)	Nơi ở hiện nay (địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày, tháng hoàn thành nhiệm vụ	Đơn vị TNXP	Tổng số thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Ghi chú
22	Ông Trường Văn Nhật	05/10/1960	Xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Tiến, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	3/1982	E371	3 năm 01 tháng (37 tháng)	
23	Bà Trịnh Thị Thom	15/5/1958	Xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Minh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Tiến, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	02/1982	E371	3 năm (36 tháng)	
24	Bà Phạm Thị Năm	16/11/1962	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Hợp, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	9/1981	E371	2 năm 7 tháng (31 tháng)	
25	Bà Phùng Thị Nghĩa	20/02/1959	Xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Tiến, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	7/1981	E371	2 năm 5 tháng (29 tháng)	
26	Bà Lê Thị Đương	22/12/1959	Xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (nay là xã Vĩnh Am, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Tiến, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	4/1981	E371	2 năm 02 tháng (26 tháng)	
27	Bà Nguyễn Thị Thúy	02/7/1957	Xã Hợp Đức, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Nam Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Tiến, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	02/1981	E371	2 năm (24 tháng)	
28	Bà Phạm Thị Thân	13/6/1957	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Hợp, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	T9/1981	E371	2 năm 7 tháng (31 tháng)	
29	Bà Bùi Thị Phin	20/7/1957	Xã Đại Hà, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hưng, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Lập, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	5/1981	E371	02 năm 3 tháng (27 tháng)	
30	Bà Bùi Thị Phấn	05/7/1961	Xã Đại Hà, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hưng, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Hợp, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	T5/1981	E371	02 năm 3 tháng (27 tháng)	
31	Bà Ngô Thị Ton	16/8/1960	Xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Hợp, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	T9/1981	E371	2 năm 7 tháng (31 tháng)	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán (địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)	Nơi ở hiện nay (địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày, tháng hoàn thành nhiệm vụ	Đơn vị TNXP	Tổng số thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Ghi chú
32	Bà Nguyễn Thị Thịnh	21/7/1957	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Hợp, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	T7/1981	E371	2 năm 5 tháng (29 tháng)	
33	Bà Tô Thị Dung	14/5/1959	Xã Hợp Đức, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Nam Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Tiến, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	T3/1981	E371	2 năm 01 tháng (25 tháng)	
34	Bà Nguyễn Thị Vĩnh	20/8/1958	Xã Thanh Sơn, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Hợp, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	T5/1981	E371	2 năm 3 tháng (27 tháng)	
35	Bà Cao Thị Phảng	10/9/1953	Xã Đại Hà, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hưng, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tân Hợp, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	10/1981	E371	2 năm 8 tháng (32 tháng)	
36	Ông Bùi Minh Trọng	16/12/1948	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hòa Nghĩa, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	3/1982	E371	3 năm 01 tháng (37 tháng)	
37	Ông Đỗ Văn Thuật	01/01/1960	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tĩnh Hải, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	3/1981	E371	2 năm 01 tháng (25 tháng)	
38	Ông Lê Văn Quang	09/4/1958	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Đại Thắng, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	3/1982	E371	3 năm 01 tháng (37 tháng)	
39	Bà Khúc Thị Thía	02/9/1959	Xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Đại Thắng, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	9/1981	E371	02 năm 7 tháng (31 tháng)	
40	Bà Bùi Thị Hiền	23/7/1959	Xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng (nay là xã An Quang, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Đại Thắng, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	3/1982	E371	3 năm 01 tháng (37 tháng)	
41	Ông Bùi Lương Tựa	11/5/1960	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tĩnh Hải, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	3/1982	E371	3 năm 01 tháng (37 tháng)	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán (địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)	Nơi ở hiện nay (địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày, tháng hoàn thành nhiệm vụ	Đơn vị TNXP	Tổng số thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Ghi chú
42	Bà Nguyễn Thị Múc	28/10/1960	Xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Minh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hòa Nghĩa, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	3/1981	E371	2 năm 01 tháng (25 tháng)	
43	Ông Phạm Văn Hoàn	02/3/1962	Xã Đại Đồng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Minh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Đại Thắng, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	5/1982	E371	3 năm 3 tháng (39 tháng)	
44	Ông Trịnh Văn Thù	02/02/1960	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Trường Sơn, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	3/1981	E371	2 năm 01 tháng (25 tháng)	
45	Ông Nguyễn Văn Phòng	10/6/1960	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố An Thắng, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	3/1982	E371	3 năm 01 tháng (37 tháng)	
46	Ông Trịnh Văn Lai	03/6/1960	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Trường Sơn, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	T3/1981	E371	2 năm 01 tháng (25 tháng)	
47	Bà Trịnh Thị Sánh	02/02/1955	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Trường Sơn, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	T02/1979	Tháng 5/1982	E371	3 năm 3 tháng (39 tháng)	
48	Bà Phạm Thị Mậu	05/5/1960	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Trường Sơn, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	03/1981	E371	2 năm 01 tháng (25 tháng)	
49	Bà Lưu Thị Oanh	05/10/1961	Xã Thanh Sơn, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hưng, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Trường Sơn, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	03/1981	E371	2 năm 01 tháng (25 tháng)	
50	Ông Nguyễn Văn Hợp	26/9/1959	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tĩnh Hải, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	03/1981	E371	2 năm 01 tháng (25 tháng)	
51	Bà Lê Thị Đức	17/7/1952	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tĩnh Hải, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	3/1981	E371	2 năm 01 tháng (25 tháng)	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán (địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)	Nơi ở hiện nay (địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày, tháng hoàn thành nhiệm vụ	Đơn vị TNXP	Tổng số thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Ghi chú
52	Bà Ngô Thị Nghệ	02/4/1962	Xã Hợp Đức, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Nam Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tĩnh Hoà, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	3/1982	E371	3 năm 01 tháng (37 tháng)	
53	Bà Nguyễn Thị Dị	06/11/1960	Xã Đại Đồng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Minh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tĩnh Hòa, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	12/1981	E371	2 năm 10 tháng (30 tháng)	
54	Bà Đặng Thị Thái	22/02/1961	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tĩnh Hòa, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	9/1981	E371	2 năm 7 tháng (32 tháng)	
55	Ông Đàm Văn Chiến	20/9/1958	Xã Hợp Đức, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Nam Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tĩnh Hòa, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	3/1982	E371	3 năm 01 tháng (37 tháng)	
56	Bà Bùi Thị Thắm	19/11/1948	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Trường Sơn, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	3/1982	E371	3 năm 01 tháng (37 tháng)	
57	Ông Bùi Văn Duy	10/10/1962	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hòa Nghĩa, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	9/1981	E371	2 năm 7 tháng (31 tháng)	
58	Bà Ngô Thị Thuế	24/5/1958	Xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Minh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hòa Nghĩa, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	3/1981	E371	02 năm 01 tháng (25 tháng)	
59	Bà Phạm Thị Hào	01/01/1955	Xã Đại Đồng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Minh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Tĩnh Hải, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1979	12/1981	E371	02 năm 10 tháng (34 tháng)	
60	Bà Cao Thị Phé	07/6/1959	Xã Đại Hà, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hưng, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Trường Sơn, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	02/1975	3/1982	E371	3 năm 01 tháng (37 tháng)	
61	Ông Vũ Văn Vàn	10/10/1960	Xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hưng, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Hòa, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	3/1981	E371	2 năm 01 tháng (25 tháng)	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán (địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)	Nơi ở hiện nay (địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày, tháng hoàn thành nhiệm vụ	Đơn vị TNXP	Tổng số thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Ghi chú
62	Ông Nguyễn Đình Định	12/4/1958	Xã Ngũ Phúc, Kiên Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là thôn Nghi Dương, xã Nghi Dương, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Hòa, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	02/1982	E371	3 năm (36 tháng)	
63	Bà Vũ Thị Thanh	22/12/1960	Xã Đa Phúc, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Thành, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	01/1982	E371	2 năm 11 tháng (35 tháng)	
64	Ông Nguyễn Văn Quận	08/10/1958	Xã Thụy Hương, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Thành, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	12/1982	E371	2 năm 10 tháng (34 tháng)	
65	Bà Đình Thị Thu	02/9/1955	Xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hưng, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Thành, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	12/1981	E371	2 năm 10 tháng (34 tháng)	
66	Bà Bùi Thị Tảo	07/7/1959	Xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (nay là phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Hòa, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	02/1982	E371	3 năm (36 tháng)	
67	Bà Phạm Thị Suối	20/8/1959	Xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Hòa, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	05/1981	E371	2 năm 3 tháng (27 tháng)	
68	Bà Bùi Thị Chanh	10/02/1960	Xã Hữu Bằng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là thôn Văn Hòa, xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Thành, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	02/1982	E371	3 năm (36 tháng)	
69	Ông Nguyễn Văn Phúc	05/10/1960	Xã An Lão, thành phố Hải Phòng (nay là xã An Khánh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Thành, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	04/1981	E371	2 năm 02 tháng (26 tháng)	
70	Bà Phạm Thị Lán	17/01/1961	Xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Minh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Hòa, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	11/1981	E371	2 năm 9 tháng (33 tháng)	
71	Ông Vũ Văn Chương	10/10/1956	Xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hưng, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Thành, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	12/1981	E371	2 năm 10 tháng (34 tháng)	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán (địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)	Nơi ở hiện nay (địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày, tháng hoàn thành nhiệm vụ	Đơn vị TNXP	Tổng số thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Ghi chú
72	Bà Phạm Thị Số	06/6/1960	Xã Đại Đồng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Minh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Thành, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	4/1981	E371	2 năm 02 tháng (26 tháng)	
73	Bà Vũ Thị Nhi	02/5/1960	Xã Tân Dân, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng (nay là xã An Lão, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Hòa, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	11/1982	E371	2 năm 11 tháng (35 tháng)	
74	Bà Ngô Thị Mướt	16/12/1957	Xã An Thái, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng (nay là xã An Hưng, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Thành, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	3/1981	E371	2 năm 01 tháng (25 tháng)	
75	Ông Trịnh Đắc Chung	03/5/1957	Xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hưng, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Thành, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	01/1982	E371	2 năm 11 tháng (35 tháng)	
76	Bà Bùi Thị Tích	02/5/1958	Xã Hữu Bằng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là thôn Kim Đới, xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Thành, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	06/1981	E371	2 năm 04 tháng (28 tháng)	
77	Bà Bùi Thị Toan	14/10/1957	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Thành, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	03/1982	E371	03 năm 01 tháng (37 tháng)	
78	Ông Nguyễn Duy Nhật	06/02/1958	Xã Tân Dân, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng (nay là xã An Lão, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Hòa, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	7/1981	E371	02 năm 05 tháng (29 tháng)	
79	Bà Nguyễn Thị Diễm	14/9/1960	Xã Đại Đồng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Minh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Sông He, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	11/1981	E371	2 năm 9 tháng (33 tháng)	
80	Bà Nguyễn Thị Đen	13/11/1958	Xã Đại Đồng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Minh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Phong, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	11/1981	E371	2 năm 9 tháng (7 tháng)	
81	Bà Ngô Thị Tiu	15/5/1955	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Phong, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	3/1981	E371	2 năm 01 tháng (25 tháng)	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán (địa danh hành chính khi tham gia TNXP và địa danh hành chính hiện nay)	Nơi ở hiện nay (địa danh hành chính hiện nay của TNXP tự kê khai hoặc của thân nhân nếu kê khai hộ)	Ngày tháng tham gia TNXP	Ngày, tháng hoàn thành nhiệm vụ	Đơn vị TNXP	Tổng số thời gian tham gia TNXP đề nghị xét khen thưởng	Ghi chú
82	Ông Vũ Văn Tiến	01/01/1952	Xã Hữu Bằng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là Thôn Kim Đới, xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Sông He, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	9/1981	E371	2 năm 7 tháng (25 tháng)	
83	Bà Trần Thị Hòa	16/5/1955	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Phong, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	3/1982	E371	3 năm 01 tháng (37 tháng)	
84	Bà Phan Thị Nguyệt	03/6/1962	Xã Hữu Bằng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Phong, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	7/1982	E371	3 năm 5 tháng (41 tháng)	
85	Bà Phạm Thị Dân	14/02/1950	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Phong, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	3/1981	E371	2 năm 01 tháng (25 tháng)	
86	Bà Phạm Thị Bích	25/02/1959	Xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Phong, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	5/1981	E371	2 năm 3 tháng (27 tháng)	
87	Bà Ngô Thị Côi	20/5/1954	Xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng)	Tổ dân phố Hải Phong, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Tháng 02/1979	08/1981	E371	2 năm 6 tháng (30 tháng)	